



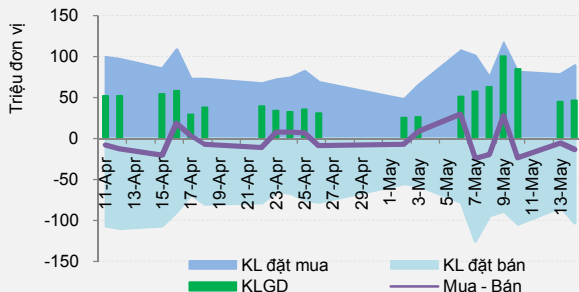
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 14/5/2013

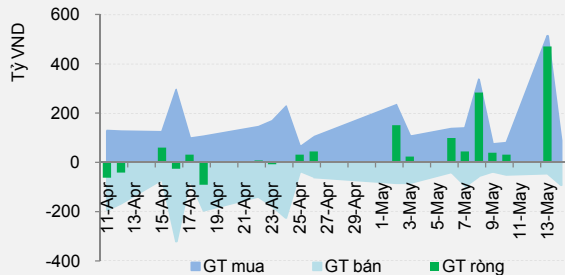
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	483.9	59.9
% Thay đổi	↓ -1.0%	↓ -1.3%
KLGD (CP)	46,531,841	31,630,793
GTGD (tỷ đồng)	772.31	243.74
Tổng cung (CP)	103,246,920	69,405,400
Tổng cầu (CP)	89,154,640	60,840,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,832,800	945,209
KL mua (CP)	3,387,610	1,241,800
GTmua (tỷ đồng)	88.31	17.07
GT bán (tỷ đồng)	90.92	9.39
GT ròng (tỷ đồng)	(2.61)	7.68

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.21%	7.4	1.4	2.0%
Công nghiệp	↓ -1.26%	17.6	0.9	15.4%
Dầu khí	↓ -0.89%	5.7	1.1	3.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.89%	8.2	1.4	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.56%	7.3	2.3	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.84%	12.5	5.0	11.5%
Ngân hàng	↓ -1.07%	5.8	1.4	8.0%
Nguyên vật liệu	↓ -1.48%	8.7	2.0	11.0%
Tài chính	↓ -2.04%	23.8	2.6	32.3%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.56%	8.3	2.9	13.9%
VN - Index	↓ -1.04%	12.9	2.9	76.5%
HNX - Index	↓ -1.27%	16.7	1.4	23.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideway với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì thị trường đã có phiên tăng điểm mạnh trong phiên đầu tuần này trên cả hai sàn HSX và HNX. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số VN-Index hình thành mô hình Frypan và chỉ số HNX-Index hình thành mô hình Tower bottom trên đồ thị là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho thị trường. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này thị trường không nối tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp. Cùng với việc thị trường giảm điểm trong phiên hôm nay thì thị trường đã đánh mất đi động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng thị trường hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

- VN-Index giảm điểm khá mạnh về mức 483.85 điểm, giảm 5.08 điểm tương ứng với mức 1.04% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 43.75 triệu đơn vị, tăng 28.45% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm khá mạnh về mức 59.89 điểm, giảm 0.77 điểm tương ứng với mức 1.27% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 31.24 triệu đơn vị, tăng 9.27% so với phiên trước.

- Sau hơn 1 tháng nhà đầu tư rút tiền trong tháng 4, ngày 10/5/2013, quỹ DB-xtracker FTSE Vietnam ETF của Deutsche Bank bất ngờ hủy động thêm được 75,000 chứng chỉ quỹ, tương đương 1.8 triệu USD. Tại quỹ Market Vector Vietnam ETF của VanEck, số chứng chỉ quỹ lưu hành hiện vẫn ở mức 21,150,000 đơn vị, không thay đổi so với thời điểm cuối tháng 4.

- Kể từ hôm nay 14/5 đến 14/6, quỹ FTSE ETF sẽ thực hiện xem xét lại danh mục, cho lần đánh giá danh mục định kỳ Quý 2/2013. Kết quả xem xét lại sẽ được công bố vào ngày 7/6. Việc thay đổi danh mục sẽ thực hiện từ ngày công bố đến hết 21/6, danh mục mới bắt đầu hoạt động từ 24/6. Quỹ VNM ETF cũng đã công bố thời gian thực hiện thay đổi danh mục định kỳ quý 2/2013. Theo đó, VNM ETF xem xét đánh giá lại danh mục từ 31/5, công bố kết quả ngày 14/6. Thời gian thay đổi danh mục thực hiện đến hết ngày 21/6, đưa danh mục mới vào hoạt động từ ngày 24/6.

- Tiếp theo nhóm các Ngân hàng Nhà nước nắm cổ phần chi phối, đã giảm lãi suất đã lan sang các NHTMCP (Techcombank, ACB, Sacombank, VIB...). Cụ thể, ACB giảm lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn xuống còn 7.2 – 7.3%/năm, kỳ hạn 12 tháng 8.5-8.9%/năm; Techcombank giảm lãi suất kỳ hạn 1 tháng xuống 6.85%/năm, kỳ hạn 6 tháng 7.05%/năm, kỳ hạn 12 tháng 8.85%/năm; VIB giảm lãi suất kỳ hạn 1-11 tháng xuống 7%/năm; STB duy trì lãi suất 7.5% ở kỳ hạn 1-5 tháng, giảm nhẹ lãi suất ở các kỳ hạn ngắn tiếp theo xuống 7.3-7.4%. Như vậy, hệ thống Ngân hàng đang có mức lãi suất huy động khác nhau, tùy thuộc nhu cầu vốn của từng ngân hàng. Mức chênh lệch lãi suất ở từng kỳ hạn cao nhất lên tới khoảng 1.5-2.5%.

- Ngày 13/5 là ngày đầu tiên các ngân hàng thực hiện cam kết hạ lãi suất cho vay các hợp đồng cũ xuống 13%. BIDV đã tiên phong giảm lãi suất cho vay về mức lãi suất 13%/năm đối với tất cả các khoản vay có dư nợ đến cuối ngày 12/5/2013 có lãi suất cao hơn mức này. Tuy nhiên, BIDV là Ngân hàng lớn với tỷ lệ sở hữu Nhà nước cao, có ưu thế về nguồn vốn huy động. Đối với đa số Ngân hàng, khả năng giảm lãi suất các hợp đồng xuống 13% còn tùy thuộc vào thực trạng khách hàng vay, chi phí vốn của ngân hàng. Do vậy, cần thời gian để việc giảm lãi suất cho vay xuống 13% diễn ra phổ biến trên thực tế. Tính đến nay, sau hơn một năm thực hiện giảm lãi suất xuống 15%, vẫn còn khoảng 14% dư nợ có lãi suất trên 15%/năm, chủ yếu là các khoản vay trung và dài hạn trong 2 năm 2011, 2012.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm khá mạnh về mức 483.85 điểm, giảm 5.08 điểm tương ứng với mức 1.04% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideways với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì chỉ số VN-Index đã có phiên tăng điểm mạnh vào đầu tuần. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số VN-Index hình thành mô hình Frypan trên đồ thị nên là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số VN-Index. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này chỉ số VN-Index không nổi tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp. Cùng với việc chỉ số VN-Index giảm điểm trong phiên hôm nay thì chỉ số VN-Index đã đánh mất đi động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng chỉ số VN-Index hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm khá mạnh về mức 59.89 điểm, giảm 0.77 điểm tương ứng với mức 1.27% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Sau những phiên giao dịch sideways với biên độ hẹp và khối lượng giao dịch thấp trong tuần trước thì chỉ số HNX-Index đã tăng mạnh điểm trong phiên hôm qua với khối lượng giao dịch tăng đột biến. Với phiên tăng điểm này thì chỉ số HNX-Index hình thành mô hình Tower bottom trên đồ thị đồ thị nên là một số tín hiệu tích cực đầu tiên cho chỉ số HNX-Index. Tuy nhiên sau tín hiệu tích cực này chỉ số HNX-Index không nổi tiếp được đà tăng mà đi ngang với biên độ hẹp trong năm phiên liên tiếp. Cùng với việc chỉ số HNX-Index giảm điểm trong phiên hôm nay thì chỉ số HNX-Index đã đánh mất đi động lực tăng điểm được tạo ra trong phiên đầu tuần trước. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm khả năng chỉ số HNX-Index hình thành xu hướng tăng tại thời điểm hiện tại là thấp.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm trên hai sàn với khối lượng khớp lệnh tăng so với phiên trước. Ngoài nhóm cổ phiếu lớn, nhóm cổ phiếu đầu cơ cũng đảo chiều giảm điểm trước tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.

Hiện đang là mùa công bố KQKD Quý 1/2013. Tính đến ngày 9/5, đã có 422 doanh nghiệp công bố KQKD, với 84% doanh nghiệp báo lãi. Tổng lợi nhuận tại những doanh nghiệp báo lãi quý 1 tăng 38% so cùng kỳ, trong đó nổi bật là ngành Điện, nước và xăng dầu khí đột có mức tăng hơn gấp đôi, điển hình là PPC.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận Q1.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD Q1 hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	TV2	15		0.00	1.71	35114%	-	4,011.64	3.99	0.84	5.57%	22.79%
2	SDE	5		0.03	0.94	3392%	-	1,822.30	3.62	0.45	4.19%	13.06%
3	NKG	7		1.19	25.27	2025%	-	387.57	17.55	0.61	0.65%	3.03%
4	RIC	6		0.21	4.03	1863%	-	125.42	49.43	0.42	0.69%	0.85%
5	VIP	7	118.51	6.03	112.09	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.94%	17.88%
6	HTL	6	5.05	(0.03)	0.53	1653%	11%	487.32	12.52	0.55	2.78%	4.51%
7	PSI	4		0.19	3.26	1651%	-	65.00	56.92	0.37	0.36%	0.66%
8	PDC	3	6.81	0.08	1.36	1539%	20%	443.99	7.43	0.39	3.59%	5.30%
9	WSS	4	2.29	0.09	1.36	1380%	59%	(3.22)	(1,212.34)	0.38	-0.03%	-0.03%
10	IDJ	3		0.54	5.79	964%	-	171.45	18.66	0.32	1.50%	1.72%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q1.2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	GAS	55	7,693	2,307	4,292	86%	56%	5,175.38	10.53	3.80	21.6%	38.71%
2	VNM	124	6,230.00	1,270	1,531	20%	25%	7,293.67	17.00	6.13	32.2%	40.37%
3	PPC	22	335.40	132.72	944	611%	281%	4,489.11	4.90	1.41	12.0%	34.97%
4	HPG	29	1,200.00	195.29	457	134%	38%	3,004.68	9.65	1.35	6.8%	14.86%
5	FPT	38		340.63	358	5%	-	5,714.29	6.61	1.59	10.9%	24.98%
6	PVS	14	790.00	234.36	262	12%	33%	3,211.46	4.33	0.66	5.0%	18.40%
7	LAS	38		129.15	149	15%	-	6,327.98	5.94	1.81	17.1%	34.58%
8	DHG	81	427.50	102.20	116	14%	27%	7,753.03	10.38	2.92	21.4%	30.47%
9	VIP	7	118.51	6.03	112	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.9%	17.88%
10	REE	21	650.00	255.63	110	-57%	17%	2,126.95	9.50	1.26	8.7%	12.87%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Giá	LN Kế hoạch	LN Q1/2012	LN Q1/2013	Tăng trưởng LN	% Kế hoạch	EPS	P/E	P/B	ROA	ROE
1	PPC	22	335.40	132.72	944.01	611%	281%	4,489.11	4.90	1.41	12.0%	34.97%
2	BSI	3	2.27	28.00	2.41	-91%	106%	(49.51)	(64.64)	0.41	-0.33%	-0.62%
3	SEC	19	31.19	26.97	32.04	19%	103%	4,009.81	4.86	1.34	10.9%	27.83%
4	MKV	8	0.51	0.18	0.50	180%	98%	324.35	26.21	0.91	1.82%	2.83%
5	VIP	7	118.51	6.03	112.09	1759%	95%	2,694.19	2.71	0.44	7.94%	17.88%
6	VST	2	(49.64)	(20.76)	(42.70)	-106%	86%	(2,118.2)	(1.18)	0.28	-3.98%	-21.15%
7	HT1	5	0.80	-	0.67	0%	84%	9.67	517.14	0.52	0.01%	0.10%
8	VNG	5	1.41	1.44	1.03	-28%	73%	201.30	29.81	0.55	1.28%	1.85%
9	VIS	11	30.32	9.33	21.20	127%	70%	(127.96)	(85.96)	0.80	-0.23%	-0.87%
10	SMC	15	70.00	13.29	45.12	239%	64%	3,069.99	5.21	0.78	3.85%	15.61%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

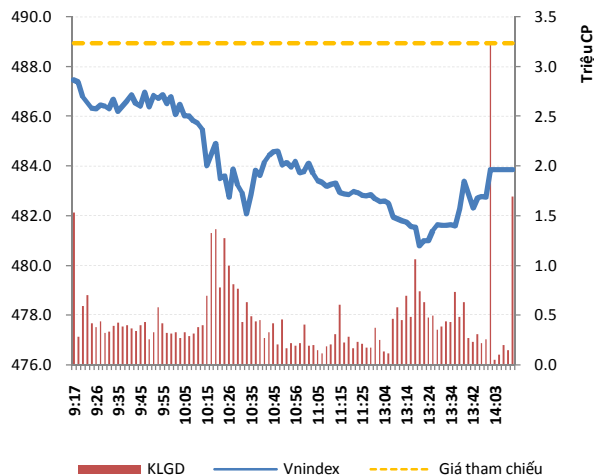
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 14/05/2013.

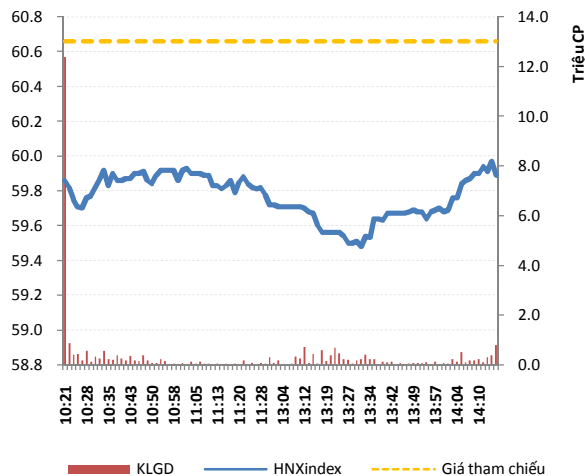


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

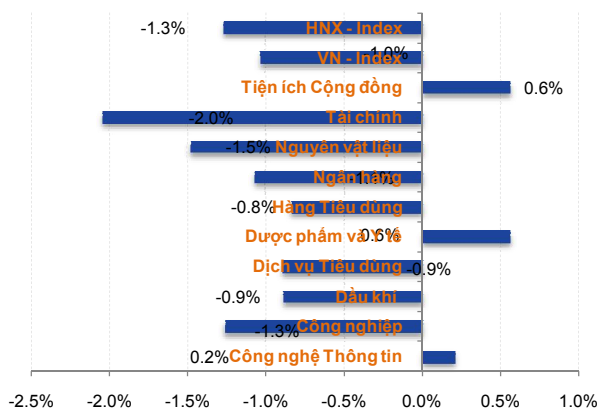
KLGD và VN-Index trong phiên



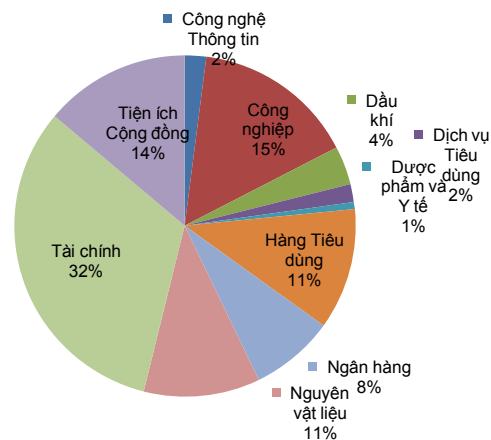
KLGD và HNX-Index trong phiên



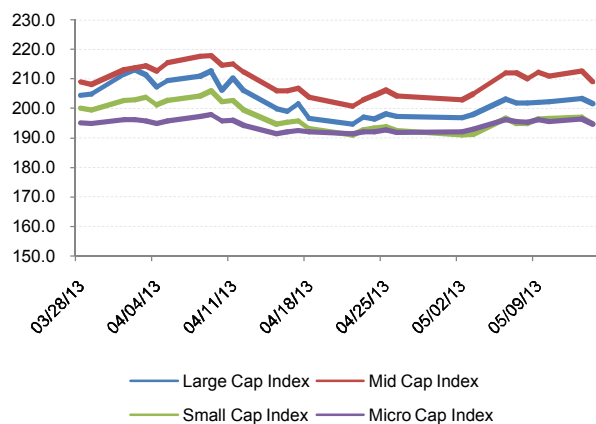
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



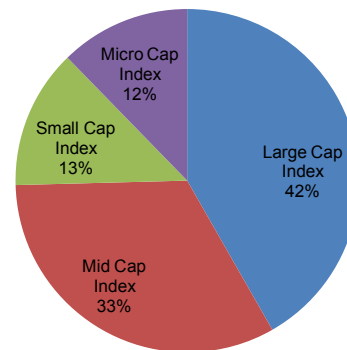
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CII	206,670	HAG	1,007,280
2	PPC	145,300	EIB	197,100
3	GAS	132,640	GMD	115,110
4	ITA	131,340	ALP	112,600
5	KBC	127,890	OGC	107,480

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVC	303,100	KLS	647,100
2	PGS	156,800	SHB	20,700
3	VCG	151,300	ACB	16,100
4	PVX	112,900	SSM	9,900
5	PVS	90,900	DID	7,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.0	6.7	↓ -4.29%	5,081,830
HAG	22.8	21.4	↓ -6.14%	3,756,160
GAS	54.5	55.0	↑ 0.92%	2,017,120
KBC	8.8	8.4	↓ -4.55%	1,653,080
HQC	5.8	5.7	↓ -1.72%	1,648,110

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.8	7.6	↓ -2.56%	5,424,775
PVX	5.5	5.2	↓ -5.45%	4,845,014
SHB	6.9	6.8	↓ -1.45%	4,332,760
KLS	8.4	8.1	↓ -3.57%	2,010,640
PVC	15.8	15.6	↓ -1.27%	1,232,322

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SBC	11.7	12.5	0.8	↑ 6.84%
HAS	4.6	4.9	0.3	↑ 6.52%
VHG	3.2	3.4	0.2	↑ 6.25%
PDN	24.0	25.4	1.4	↑ 5.83%
C47	16.0	16.9	0.9	↑ 5.62%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
SDJ	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
GGG	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
CTV	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
LDP	41.0	45.1	4.1	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTA	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
CMX	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
VID	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
MPC	27.9	26.0	-1.9	↓ -6.81%
PNC	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
THV	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
VCH	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
PRC	8.2	7.4	-0.8	↓ -9.76%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	5,081,830	0.6%	70	95.2	0.5
HAG	3,756,160	3.7%	637	33.6	1.2
GAS	2,017,120	42.1%	6,141	9.0	3.3
KBC	1,653,080	-10.4%	(1,503)	-	0.6
HQC	1,648,110	3.1%	581	9.8	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	5,424,775	4.0%	622	12.2	0.5
PVX	4,845,014	-47.8%	(3,714)	-	0.7
SHB	4,332,760	22.0%	2,761	2.5	0.6
KLS	2,010,640	0.4%	55	148.1	0.6
PVC	1,232,322	19.1%	3,737	4.2	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SBC	↑ 6.8%	12.4%	2,304	5.4	0.7
HAS	↑ 6.5%	2.6%	502	9.8	0.3
VHG	↑ 6.3%	-9.6%	(1,446)	(2.4)	0.2
PDN	↑ 5.8%	17.0%	5,138	4.9	0.8
C47	↑ 5.6%	14.1%	2,648	6.4	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 14.3%	-153.7%	(8,535)	(0.1)	0.7
SDJ	↑ 14.3%	-175.5%	(11,817)	(0.1)	1.0
GGG	↑ 11.1%	-195.7%	(2,050)	(0.5)	1.4
CTV	↑ 10.0%	1.4%	156	21.1	0.3
LDP	↑ 10.0%	28.5%	5,906	7.6	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	206,670	26.9%	3,445	6.0	1.4
PPC	145,300	35.0%	4,489	4.9	1.4
GAS	132,640	42.1%	6,141	9.0	3.3
ITA	131,340	0.6%	70	95.2	0.5
KBC	127,890	-10.4%	(1,503)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVC	303,100	19.1%	3,737	4.2	0.9
PGS	156,800	21.6%	4,445	4.0	0.8
VCG	151,300	2.0%	291	37.1	0.9
PVX	112,900	-47.8%	(3,714)	-	0.7
PVS	90,900	18.6%	3,133	4.4	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	104,225	42.1%	6,141	9.0	3.3
VNM	103,357	40.4%	7,294	17.0	6.1
MSN	76,288	8.5%	2,087	53.2	5.5
VCB	63,034	12.5%	2,236	12.2	1.5
VIC	59,874	18.4%	2,041	31.6	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,191	3.1%	424	38.2	1.2
SQC	8,778	9.1%	1,110	71.9	6.4
PVS	6,209	18.6%	3,133	4.4	0.9
SHB	6,025	22.0%	2,761	2.5	0.6
VCG	4,770	2.0%	291	37.1	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.71	-10.4%	(1,503)	-	0.6
ITA	2.63	0.6%	70	95.2	0.5
BVH	2.40	11.3%	1,981	25.7	2.9
OGC	2.01	2.5%	278	41.8	1.0
VIS	1.88	-0.9%	(128)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXA	3.15	-48.1%	(4,075)	-	0.3
PVX	3.12	-47.8%	(3,714)	-	0.7
PVL	3.06	-4.9%	(526)	-	0.3
S96	2.96	-6.0%	(462)	-	0.4
SCR	2.86	4.0%	622	12.2	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)